

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VIỆN KIỂM SÁT KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

NGUYỄN NGỌC KIÊN*

Bài viết chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Từ khóa: Điều tra, vụ án hình sự, Viện kiểm sát, thực hành quyền công tố.

Ngày nhận bài: 20/10/2021; Biên tập xong: 03/12/2021; Duyệt đăng: 10/02/2022

The article points out the difficulties and obstacles in the exercise the power to prosecute in the investigation of criminal cases, thereby, proposes some solutions to further improve the quality and efficiency of the performance of duties and powers of the Procuracy when exercising the power to prosecute during the investigation of criminal cases.

Keywords: Investigation, criminal cases, Procuracy, exercise the power to prosecute

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm diễn biến hết sức phức tạp. Hằng năm, số vụ án và số người phạm tội đều gia tăng, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xuất hiện một số tội phạm và hình thức phạm tội mới đòi hỏi công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của cơ quan có thẩm quyền phải thật hiệu quả. Đặc biệt, công tác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra nói riêng phải thực chất, hiệu quả.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hệ thống những hoạt động mà Viện kiểm sát phải tiến hành và những quyền năng pháp lý được thực hiện thông qua các chủ thể được pháp luật quy định nhằm thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được tiến hành trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) về nhiệm vụ quyền hạn của Viện kiểm sát

khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Chính vì vậy, cần có các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

1. Một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

1.1. Một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc

Thứ nhất, khi xét phê chuẩn lệnh tạm giam, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị can phạm tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự (BLHS) quy định

* Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

hình phạt tù trên 02 năm. Tại khoản 2 Điều 119 BLTTHS năm 2015 quy định các trường hợp để áp dụng, trong đó điểm c, d quy định “có dấu hiệu bỏ trốn” và “có dấu hiệu tiếp tục phạm tội”. Tuy nhiên, đến hiện tại chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn “có dấu hiệu bỏ trốn” và “có dấu hiệu tiếp tục phạm tội” dẫn tới việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam của Viện kiểm sát gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ hai, hiện nay, việc thực hiện quy định hỏi cung bị can ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo khoản 6 Điều 183 BLTTHS tại một số địa phương nhất là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện còn gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

- Các điều kiện về phòng hỏi cung, trang thiết bị phục vụ ghi âm, ghi hình có âm thanh chưa được đầu tư, trang cấp đầy đủ, đồng bộ. Vì vậy, khi thực hiện chưa đảm bảo tính bảo mật, chất lượng âm thanh, hình ảnh chưa đảm bảo.

- Đa số Kiểm sát viên chưa được đào tạo về kỹ thuật, quy trình thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

- Một số địa phương do phần lớn người bị buộc tội là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức còn hạn chế dẫn đến thực trạng, nếu đặt câu hỏi chung chung bị can không hiểu không trả lời được, còn nếu Kiểm sát viên hỏi chi tiết, cụ thể dễ dẫn đến việc trong câu hỏi có hàm ý cả câu trả lời hoặc có tính chất mớm cung.

Thứ ba, khi ban hành yêu cầu điều tra, do BLTTHS không quy định việc yêu cầu điều tra hình thức bằng văn bản hay bằng lời nói, ban hành một hay nhiều yêu cầu điều tra trong một vụ án, nội dung yêu cầu gồm những vấn đề gì. Dẫn đến nội dung tại bản yêu cầu điều tra giữa các Kiểm sát viên còn nhiều điểm chưa thống nhất. Do đó phải có quy định mang tính ràng buộc về thời điểm, hình thức, số lượng, nội dung của bản yêu cầu điều tra và việc thực hiện yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát.

Hơn nữa về bản chất yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên thuộc về chức năng công

tố. Tuy nhiên, một số tài liệu tập huấn của ngành Kiểm sát cũng như một số yêu cầu điều tra vẫn có nội dung về kiểm sát việc tuân theo pháp luật.

Thứ tư, quy định thủ tục chuyển vụ án tại Điều 169 BLTTHS năm 2015 và Điều 29 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (TTLT 04/2018) chưa thống nhất dẫn đến khó khăn trong thực tiễn thực hiện. Cụ thể tại khoản 1 Điều 29 TTLT 04/2018 quy định việc gửi văn bản trao đổi và gửi văn bản trả lời cũng như thời hạn trao đổi, thời hạn trả lời trước khi quyết định chuyển vụ án. Do quy định chung với tất cả các vụ án dẫn tới việc kéo dài thời gian chuyển vụ án ảnh hưởng đến thời hạn điều tra vụ án hình sự. Trong khi tại khoản 3 Điều 169 BLTTHS không quy định các thủ tục nêu trên.

Thứ năm, tại Điều 31 TTLT 04/2018 quy định về việc đánh giá tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng trước khi kết thúc điều tra. Tuy nhiên, tại Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Quyết định 111/2020) quy định mở rộng các trường hợp đánh giá chứng cứ, tài liệu gồm trước khi ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm; Trước khi kết thúc điều tra vụ án hình sự hoặc trước khi đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra đối với bị can. Nội dung các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 111/2020 chỉ quy định đánh giá tài liệu, chứng cứ mà không có nội dung đánh giá thủ tục tố tụng như Điều 31 TTLT 04/2018. Vì vậy, cần hướng dẫn thống nhất các trường hợp phải lập biên bản đánh giá chứng cứ, tài liệu và thủ tục tố tụng cũng như nội dung, trách nhiệm lập biên bản.

Thứ sáu, Điều 125 BLTTHS năm 2015 chưa quy định cụ thể trường hợp thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn dẫn tới không đồng nhất khi áp dụng. Việc điều luật quy định “có thể” dẫn tới tính tùy nghi khi thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

1.2. Nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn, vướng mắc

Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo một số Viện kiểm sát nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có lúc, có thời điểm, có việc vẫn chưa thật sự sâu sát, kịp thời dẫn đến nhiều hoạt động thực tế hiệu quả chưa thật cao.

Thứ hai, xuất phát từ nguyên nhân chủ quan của đội ngũ Kiểm sát viên, cụ thể:

- Năng lực, kinh nghiệm của Kiểm sát viên chưa thật sự đồng đều. Một số Kiểm sát viên do hạn chế về năng lực, kinh nghiệm dẫn đến nhận thức về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chưa đầy đủ, chính xác, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chưa cao đặc biệt là chất lượng bản yêu cầu điều tra và thực hiện một số hoạt động điều tra của Kiểm sát viên.

- Một số Kiểm sát viên có tâm lý chủ quan, tinh thần trách nhiệm chưa cao nên không phát hiện được các mâu thuẫn giữa các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Có một số vụ án cụ thể Kiểm sát viên chưa nghiên cứu kỹ và đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, chưa bám sát quá trình điều tra vụ án. Nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, không sâu sắc nên không nắm được đầy đủ, tỉ mỉ các tình tiết vụ án. Không phát hiện được chứng cứ còn thiếu, những chứng cứ còn mâu thuẫn dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, kéo dài thời hạn giải quyết hoặc thậm chí là oan, sai.

- Vẫn còn Kiểm sát viên lập trường, tư tưởng chưa vững vàng, thiếu bản lĩnh hoặc còn chưa chủ động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, phụ thuộc hoàn toàn vào việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra và chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà Điều tra viên thu thập để qua đó đề xuất, quyết định áp dụng các lệnh,

quyết định dẫn tới căn cứ chưa thật sự đầy đủ, khách quan.

Thứ ba, công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tại các địa phương tuy được duy trì nhưng vẫn còn một số nội dung, vụ việc cụ thể chưa được chặt chẽ, chưa thống nhất về nhận thức, quan điểm dẫn đến khi thực hiện chưa đạt hiệu quả cao nhất. Mặt khác, do năng lực, kinh nghiệm của một số Điều tra viên vẫn còn hạn chế, dẫn đến nhận thức không đầy đủ, khách quan, không thực hiện các yêu cầu hợp pháp của Kiểm sát viên. Có Điều tra viên do năng lực, trình độ hạn chế, thiếu lập trường dẫn đến phụ thuộc vào quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra của Kiểm sát viên, không dám tự quyết định các vấn đề liên quan đến điều tra vì sợ trách nhiệm.

Thứ tư, một số quy định của BLTTHS năm 2015 chưa được hướng dẫn, giải thích để hiểu và áp dụng thống nhất dẫn đến thực tiễn thực hiện phát sinh nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc không thống nhất trong việc thực hiện. Một số quy định tuy đã được giải thích tuy nhiên việc giải thích chỉ mang tính chất nội bộ từng ngành không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên chưa được thực hiện thống nhất. Các văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của BLTTHS có một số nội dung chưa cụ thể, chưa thống nhất hoặc quy định phạm vi quá rộng, khó thực hiện trên thực tế.

Thứ năm, cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số địa phương nhất là ở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện còn thiếu, chưa đảm bảo. Trong khi yêu cầu của BLTTHS là rất chặt chẽ do đó việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nói chung của Viện kiểm sát vẫn còn những hạn chế, khó khăn nhất định.

2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

2.1. Giải pháp đối với việc hoàn thiện pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong

giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Thứ nhất, để áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam chính xác, thống nhất, đảm bảo mọi trường hợp khi áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đều đúng quy định của pháp luật, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thế nào là “có dấu hiệu bỏ trốn” và “có dấu hiệu tiếp tục phạm tội” được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 119 BLTTHS năm 2015.

Thứ hai, quy định tại Điều 29 TTLT 04/2018 là chưa hợp lý, vì việc áp dụng quy định này sẽ dẫn đến kéo dài thời gian chuyển vụ án, ảnh hưởng đến thời hạn điều tra; một số vụ án xác định rõ thẩm quyền điều tra, chỉ chuyển trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, không cần thiết phải ban hành văn bản trao đổi; việc thực hiện quy định nêu trên đối với tất cả các vụ án khi xác định không thuộc thẩm quyền sẽ phát sinh nhiều thủ tục trong khi BLTTHS không quy định. Vì vậy, điều khoản nói trên cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định các trường hợp cụ thể Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát ban hành văn bản trao đổi về việc chuyển và nhận hồ sơ vụ án để điều tra theo thẩm quyền. Cụ thể như sau:

“1. Việc chuyển vụ án trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát cùng cấp để quyết định chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền. Thủ tục chuyển vụ án và thời hạn chuyển vụ án thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 169 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có căn cứ xác định vụ án không thuộc thẩm quyền điều

tra, Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát cùng cấp để có văn bản gửi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền, kèm theo các tài liệu xác định thẩm quyền điều tra để trao đổi về việc chuyển hồ sơ vụ án để điều tra theo thẩm quyền. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi, Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra phải trao đổi với Viện kiểm sát cùng cấp để có văn bản trả lời. Tùy từng trường hợp, việc chuyển vụ án được xử lý như sau:

a) Trường hợp Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra nhất trí tiếp nhận hồ sơ vụ án để điều tra thì Cơ quan điều tra đang điều tra có văn bản đề nghị chuyển vụ án gửi Viện kiểm sát cùng cấp để quyết định việc chuyển vụ án theo thẩm quyền;

b) Trường hợp Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra không nhất trí tiếp nhận hồ sơ vụ án để điều tra thì phải có văn bản nêu rõ lý do; nếu lý do không có căn cứ thì Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án có văn bản đề nghị chuyển vụ án gửi Viện kiểm sát cùng cấp để quyết định việc chuyển vụ án theo thẩm quyền, Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra phải tiếp nhận hồ sơ vụ án khi có quyết định chuyển vụ án của Viện kiểm sát; nếu lý do không nhất trí do tranh chấp về thẩm quyền điều tra, thì Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án phối hợp cùng Viện kiểm sát cùng cấp báo cáo, đề nghị Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết về thẩm quyền điều tra theo quy định tại khoản 3 Điều 166 Bộ luật Tố tụng hình sự”.

Thứ ba, quy định tại khoản 1 Điều 11 TTLT 04/2018 là chưa đầy đủ, cụ thể vì chưa quy định rõ yêu cầu điều tra có thể thực hiện bao nhiêu lần. Vì vậy, điều khoản nói trên cần được bổ sung, cụ thể như sau:

“Kiểm sát viên phải kịp thời trao đổi với Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công điều tra vụ án về những vấn đề cần điều tra ngay từ khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự và trong quá trình điều tra, bảo đảm để Điều tra viên, Cán bộ điều tra kịp thời thu thập đầy đủ các chứng cứ, tài liệu của vụ án.

Kiểm sát viên có thể đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói trong quá trình trực tiếp kiểm sát các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám

nghiệm tử thi, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự, đôi chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, nhận biết giọng nói. Đối với các hoạt động điều tra khác, Kiểm sát viên phải đề ra yêu cầu điều tra bằng văn bản, nêu rõ ràng, cụ thể những vấn đề cần điều tra, chứng cứ, tài liệu cần thu thập. Yêu cầu điều tra có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần. Văn bản yêu cầu điều tra phải được đưa vào hồ sơ vụ án”.

Thứ tư, đến 01/01/2020 phải thực hiện thống nhất quy định tại khoản 6 Điều 183 BLTTHS về việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can. Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như điều kiện về con người nên hiện nay chưa thực hiện thống nhất quy định này. Do đó cần có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc thực hiện quy định này. Cụ thể, có thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tiếp tục lùi hiệu lực của quy định này hoặc quy định bắt buộc thực hiện quy định ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can.

Thứ năm, khoản 2 Điều 125 BLTTHS năm 2015 chưa quy định cụ thể trường hợp nào hủy bỏ và trường hợp nào thay đổi biện pháp ngăn chặn; quy định này chưa mang tính bắt buộc đối với các chủ thể. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung điều khoản trên theo hướng quy định cụ thể các trường hợp bắt buộc phải thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cụ thể như sau:

“Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam để áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tạm hoãn xuất cảnh.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam khi có đủ điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh hoặc đặt tiền để bảo đảm.”

Thứ sáu, Điều 31 TTLT 04/2018 quy định Điều tra viên với Kiểm sát viên phải lập biên bản đánh giá chứng cứ, tài liệu và thủ tục tố tụng của vụ án. Quy định này là chưa đầy đủ, chưa cụ thể vì chưa quy định hình thức,

nội dung biên bản đánh giá chứng cứ, tài liệu và thủ tục tố tụng. Quy định này còn có điểm chưa thống nhất với Điều 63 Quyết định 111/2020 và các biểu mẫu số 13, 14 ban hành kèm theo Quyết định này.

Vì vậy, Điều 31 TTLT 04/2018 cần được bổ sung, cụ thể như sau:

“1. Chậm nhất 10 ngày trước khi ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự hoặc tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp để đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu và các thủ tục tố tụng nếu thấy có đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự hoặc tạm đình chỉ giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì thống nhất để Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định; nếu thấy cần phải tiếp tục kiểm tra, xác minh thì báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát để gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chậm nhất 10 ngày đối với vụ án ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, 15 ngày đối với vụ án rất nghiêm trọng, 20 ngày đối với vụ án đặc biệt nghiêm trọng trước khi kết thúc điều tra hoặc hết thời hạn điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp để đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu và các thủ tục tố tụng của vụ án, nếu thấy có đủ căn cứ kết thúc điều tra thì thống nhất để Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra kết thúc điều tra vụ án; nếu thấy cần phải tiếp tục điều tra thì báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát để gia hạn thời hạn điều tra, tạm giam bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp hoặc Điều tra viên và Kiểm sát viên không thống nhất quan điểm đánh giá chứng cứ, tội danh, thì Điều tra viên trao đổi với Kiểm sát viên báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát để Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát tổ

chức hợp đánh giá kết quả điều tra vụ án, chỉ đạo giải quyết những vấn đề chưa thống nhất, khó khăn, vướng mắc, bảo đảm việc kết thúc điều tra, giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

2. Điều tra viên, Kiểm sát viên phải lập biên bản thống nhất nội dung đánh giá chứng cứ, tài liệu và thủ tục tố tụng. **Biên bản phải lập theo Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự. Biên bản phải thể hiện được nội dung vụ án; các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được; quan điểm của Điều tra viên; quan điểm của Kiểm sát viên; ý kiến của lãnh đạo Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát (nếu có); những tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng cần được hoàn thiện hoặc tiếp tục thu thập, điều tra (nếu có). Biên bản được lưu hồ sơ nghiệp vụ của Cơ quan điều tra, hồ sơ kiểm sát.**

2.2. Các giải pháp khác

Một là, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự gắn với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Để thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố đòi hỏi bản thân mỗi Kiểm sát viên phải nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự nói chung cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng. Có tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, không dễ bị dao động trước khó khăn, thử thách, trước danh vọng, lợi ích. Phải thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên khi được phân công thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Hoàn thành tốt nhiệm vụ của người Đảng viên cũng như chủ trương của ngành Kiểm sát “*Xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm*”, đồng thời thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với

mỗi cán bộ ngành Kiểm sát “*công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”.

Hai là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp. Gắn vai trò của người đứng đầu với kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý. Thực hiện nêu gương nhằm đảm bảo mỗi lãnh đạo Viện kiểm sát phải là tấm gương để toàn thể công chức, người lao động trong đơn vị noi theo, học tập. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Ba là, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ Kiểm sát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Bốn là, cần bổ sung đủ số lượng Kiểm sát viên để làm công tác thực hành quyền công tố, giải quyết án hình sự. Đặc biệt là quan tâm bổ sung các Kiểm sát viên có trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt. Có các chế độ đãi ngộ về tiền lương phù hợp với đặc thù công việc của các Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết án hình sự.

Năm là, tăng cường mối quan hệ phối hợp với Cơ quan điều tra cùng cấp. Khi phối hợp cần quan tâm đến thuận lợi, khó khăn của Cơ quan điều tra để xây dựng mối quan hệ theo chiều hướng tích cực. Việc tăng cường mối quan hệ phối hợp với Cơ quan điều tra phải đảm bảo sâu, sát với từng hoạt động, nội dung điều tra. Việc phối hợp phải hướng tới việc điều tra vụ án hình sự khách quan, toàn diện, kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý không để vì quan hệ phối hợp mà dẫn đến nể nang, né tránh, thiếu kiên quyết khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Sáu là, tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thực hành quyền công tố, giải quyết án hình sự./.